

Bản án số: **41/2024/DS – ST**
Ngày: 29/3/2024
V/v: “*Tranh chấp Hợp đồng mua bán tài sản*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH PHÚ - TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thủy Tiên.
- *Các Hội thẩm nhân dân :* Ông Trần Hữu Chí.
Bà Phan Thị Cẩm Hồng.
- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Đức Sang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Phú tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Phú Quý – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 607/2023/TLST-DS ngày 18 tháng 12 năm 2023 về việc tranh chấp “*Hợp đồng mua bán tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2024/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Đoàn Văn M**, sinh năm: 1962; Nơi cư trú: **Số nhà G, ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre**.

*Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn **Đoàn Văn M**:* Ông **Đoàn Minh H**, sinh năm: 1992; Nơi cư trú: **Số nhà G, ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre** (theo văn bản ủy quyền ngày 25/3/2024) (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông **Hồ Văn Q**, sinh năm: 1968 (có mặt).

Bà **Nguyễn Thị B**, sinh năm: 1966 (có mặt).

Cùng nơi cư trú: **Số nhà A, ấp A, xã M, huyện T, tỉnh Bến Tre**.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông **Đoàn Văn Hiếu E**, sinh năm: 1995; Nơi cư trú: **Số nhà G, ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre** (có mặt).

Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm: 1960. Nơi cư trú: **Số nhà G, ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre**.

*Người đại diện theo ủy quyền của bà **Nguyễn Thị T**:* Ông **Đoàn Văn Hiếu E**, sinh năm: 1995; Nơi cư trú: **Số nhà G, ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre** (theo văn bản ủy quyền ngày 22/3/2024) (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại tòa án - người được nguyên đơn Đoàn Văn M ủy quyền ông Đoàn Minh H trình bày:

Từ năm 2014 ông Đoàn Văn M đã bán thức ăn nuôi tôm cho ông Hồ Văn Q và bà Nguyễn Thị B, sau mỗi vụ ông Q, bà B đều có trả tiền. Đến năm 2019, ông M tiếp tục nhiều lần bán thức ăn, thuốc thú y thủy sản cho ông Q và bà B để nuôi tôm công nghiệp. Hình thức mua bán các bên thỏa thuận, ông M bao thức ăn, thuốc cho đến khi nào ông Q và bà B thu hoạch tôm. Sau khi thu hoạch xong dù lời hay lỗ thì ông Q và bà B cũng phải thanh toán toàn bộ số tiền thức ăn, thuốc cho ông M. Việc mua bán giữa ông M với ông Q và bà B không làm hợp đồng theo quy định nhưng khi giao nhận hàng hóa ông M có làm sổ theo dõi. Thực hiện theo hợp đồng, ông M đã giao đầy đủ hàng hóa theo yêu cầu của ông Q và bà B. Mặc dù có thỏa thuận là ông Q và bà B phải thanh toán cho ông M khi cuối vụ nhưng có vụ ông Q và bà B thua lỗ không thanh toán hết nợ thì ông M vẫn bán tiếp. Như vậy, tính đến ngày 23/09/2022 thì ông Q và bà B nợ ông M số tiền 192.536.500 đồng (Một trăm chín mươi hai triệu năm trăm ba mươi sáu nghìn năm trăm đồng) đến nay chưa trả.

Theo biên nhận nợ ngày 23/9/2022 thì Đoàn Văn H1 Em có đứng tên chốt nợ với ông Q và bà B nhưng thực tế ông M mới là người trực tiếp mua bán với ông Q và bà B, nên số tiền 192.536.500 đồng là ông Q và bà B nợ ông M chứ không có nợ Đoàn Văn H1 Em. Việc ông Q và bà B kéo dài thời gian trả nợ làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông M. Nên ông M làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Hồ Văn Q và bà Nguyễn Thị B có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Đoàn Văn M số tiền gốc là 192.536.500 đồng và nợ lãi tính từ ngày 23/9/2022 đến ngày Tòa xét xử xong vụ án với mức lãi suất 0.83%/tháng.

Tại tòa hôm nay, ông là người đại diện theo ủy quyền của ông Đoàn Văn M yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Hồ Văn Q và bà Nguyễn Thị B có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Đoàn Văn M số tiền nợ gốc là 192.536.500 đồng và nợ lãi tính từ ngày tòa thụ lý vụ án 18/12/2023 đến ngày tòa xét xử xong vụ án 29/3/2024 là 03 tháng lẻ 11 ngày với mức lãi suất 0.83%/tháng với số tiền lãi là 5.380.000 đồng. Tổng số tiền gốc và lãi ông M yêu cầu ông Q và bà B có nghĩa vụ liên đới trả cho ông M là 197.916.500 đồng (Một trăm chín mươi bảy triệu chín trăm mười sáu nghìn năm trăm đồng), yêu cầu trả một lần. Ông M xin rút lại một phần yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền lãi tính từ ngày 23/9/2022 đến ngày 17/12/2023 với mức lãi suất 0.83%/tháng.

Theo nội dung bản tự khai, hòa giải, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa – bị đơn ông Hồ Văn Q và bà Nguyễn Thị B cùng trình bày:

Ông, bà thừa nhận có mua thức ăn nuôi tôm và thuốc thú y thủy sản của ông Đoàn Văn M, thời gian mua cụ thể thì ông, bà không nhớ. Hình thức mua bán là ông M giao thức ăn nuôi tôm và thuốc thú y thủy sản trước, đến cuối vụ tổng kết nợ thì ông, bà trả tiền. Trong quá trình mua bán, ông, bà có thực hiện việc trả tiền cho ông M, tuy nhiên cũng có vụ làm ăn thua lỗ nên ông, bà trả tiền không đầy đủ. Đến ngày 23/9/2022 tổng kết nợ lại thì ông, bà còn nợ ông M số tiền nợ gốc 192.536.500 đồng đến nay vẫn chưa trả, số tiền nợ này là ông M chưa khấu hao tiền thức ăn cho ông, bà.

Nay ông Đoàn Văn M yêu cầu ông, bà có nghĩa vụ liên đới trả cho ông M số tiền nợ gốc là 192.536.500 đồng và nợ lãi tính từ ngày tòa thụ lý vụ án 18/12/2023

đến ngày tòa xét xử xong vụ án 29/3/2024 là 03 tháng lẻ 11 ngày với mức lãi suất 0.83%/tháng với số tiền lãi là 5.380.000 đồng. Tổng số tiền gốc và lãi ông M yêu cầu ông, bà có nghĩa vụ liên đới trả cho ông M là 197.916.500 đồng thì ông, bà chỉ đồng ý có nghĩa vụ liên đới trả cho ông M số tiền nợ gốc là 192.536.500 đồng, còn về số tiền lãi thì ông, bà không đồng ý trả do không phải tiền vay, mượn gì. Đối với số tiền nợ gốc 192.536.500 đồng thì ông, bà xin trả dần mỗi năm 15.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Ông, bà chỉ nợ tiền ông M chứ không có nợ tiền của Đoàn Văn H1 Em.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đoàn Văn H1 Em trình bày:

Ông là con của ông Đoàn Văn M nên ông có phụ ông M giao thức ăn nuôi tôm cho ông Hồ Văn Q và bà Nguyễn Thị B. Còn về hình thức mua bán, cách thức trả tiền và số nợ thì đúng như ông M đã trình bày khi tham gia hòa giải. Ngày 23/9/2022, ông có đứng ra viết thay cho ông M tờ biên nhận nợ, ông Q và bà B có ký tên nhận nợ trong đó. Số tiền mà ông Q và bà B nợ đó là tiền của ông M chứ không phải của ông. Ông chỉ phụ ông M bán và giao thức ăn nuôi tôm và viết hộ tờ biên nhận nợ thôi.

Nay ông thống nhất với yêu cầu của ông M đó là yêu cầu Tòa giải quyết buộc ông Hồ Văn Q và bà Nguyễn Thị B có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Đoàn Văn M số tiền gốc là 192.536.500 đồng và nợ lãi tính từ ngày tòa thụ lý vụ án 18/12/2023 đến ngày tòa xét xử xong vụ án 29/3/2024 là 03 tháng lẻ 11 ngày với mức lãi suất 0.83%/tháng với số tiền lãi là 5.380.000 đồng. Tổng số tiền gốc và lãi ông M yêu cầu ông Q và bà B có nghĩa vụ liên đới trả cho ông M là 197.916.500 đồng (Một trăm chín mươi bảy triệu chín trăm mười sáu nghìn năm trăm đồng).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T ủy quyền cho ông Đoàn Văn H1 Em trình bày:

Bà Nguyễn Thị T là vợ của ông Đoàn Văn M nên bà T có phụ ông M liên hệ phụ bán thức ăn nuôi tôm cho ông Hồ Văn Q và bà Nguyễn Thị B. Còn về hình thức mua bán, cách thức trả tiền và số nợ thì đúng như ông M đã trình bày khi tham gia hòa giải.

Số tiền mà ông Q và bà B nợ ông M đó là tiền của ông M chứ không phải của bà T. Bà T là chỉ đứng ra liên hệ phụ bán với ông M, còn việc mua bán thức ăn là ông M quyết định cũng như toàn bộ số tiền mà ông Q, bà B nợ là của ông M nên ông M có toàn quyền quyết định. Bà T hoàn toàn không có ý kiến gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Phú tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ theo đúng thủ tục tố tụng. Các đương sự là nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật tại các Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: căn cứ các Điều 26, 35, 39, 92, 217 Bộ luật tố tụng dân sự; áp dụng các áp dụng Điều 430, 440 Bộ luật Dân sự 2015. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đoàn Văn M về việc buộc ông Hồ Văn Q và bà Nguyễn Thị B có nghĩa vụ liên đới trả cho ông M số tiền nợ gốc 192.536.500 đồng và nợ lãi tính từ ngày 18/12/2023 cho đến ngày tòa xét xử xong vụ án 29/3/2024 với

mức lãi suất 0.83%/tháng. Đình chỉ một phần yêu cầu tính lãi suất của ông M từ ngày 23/9/2022 đến ngày 17/12/2023 với mức lãi suất 0.83%/tháng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ, lời trình bày của các đương sự; sau khi phân tích, đánh giá toàn diện, nhận định đầy đủ, khách quan về các chứng cứ, những tình tiết của vụ án; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ vào đơn khởi kiện của ông Đoàn Văn M về việc yêu cầu bị đơn ông Hồ Văn Q và bà Nguyễn Thị B trả tiền mua bán thức ăn còn thiếu. Bị đơn ông Hồ Văn Q và bà Nguyễn Thị B có đăng ký thường trú tại ấp A, xã M, huyện T, tỉnh Bến Tre, nên căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì xác định đây là vụ án tranh chấp về hợp đồng mua bán tài sản và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

[2] Về nội dung giải quyết vụ án:

Hợp đồng mua bán tài sản được xác lập giữa nguyên đơn ông Đoàn Văn M với bị đơn ông Hồ Văn Q và bà Nguyễn Thị B được giao kết trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng, cả hai đều có năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự nên được xem là hợp đồng hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông Đoàn Minh H là người đại diện theo ủy quyền của ông Đoàn Văn M yêu cầu ông Hồ Văn Q và bà Nguyễn Thị B có nghĩa vụ liên đới trả cho ông M số tiền nợ gốc 192.536.500 đồng. Ông Q và bà B thừa nhận có mua thức ăn chăn nuôi tôm và thuốc thú y thủy sản của ông M và hiện nay còn nợ ông M số tiền nợ gốc 192.536.500 đồng. Ông Q và bà B đồng ý có nghĩa vụ liên đới trả cho ông M số tiền nợ này. Lẽ đó, việc ông M yêu cầu ông Q và bà B có nghĩa vụ liên đới trả cho ông M số tiền nợ gốc 192.536.500 đồng là có căn cứ và phù hợp quy định pháp luật, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Ngoài số tiền nợ gốc 192.536.500 đồng. Ông M còn yêu cầu ông Q và bà B phải có nghĩa vụ liên đới trả số tiền lãi tính từ ngày tòa thụ lý vụ án 18/12/2023 đến ngày tòa xét xử xong vụ án 29/3/2024 là 03 tháng lẻ 11 ngày với mức lãi suất 0.83%/tháng với số tiền lãi là 5.380.000 đồng. Còn ông Q và bà B không đồng ý trả cho ông M số tiền lãi suất với lý do đây là tiền nợ mua bán thức ăn nuôi tôm, chứ không phải tiền vay, mượn gì. Xét thấy, trong quá trình mua bán thức ăn nuôi tôm và thuốc thú y thủy sản, do ông Q và bà B không thanh toán tiền đúng như thỏa thuận, nên ông Q và bà B còn phải có nghĩa vụ trả lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 357, Điều 440 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015, nên yêu cầu của nguyên đơn ông M về việc yêu cầu bị đơn ông Q và bà B có nghĩa vụ liên đới trả tiền lãi tính từ ngày tòa thụ lý vụ án 18/12/2023 đến ngày tòa xét xử xong vụ án 29/3/2024 là 03 tháng lẻ 11 ngày với mức lãi suất 0.83%/tháng với số tiền lãi là 5.380.000 đồng là có căn cứ và phù hợp với quy định pháp luật, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Như vậy, tổng số tiền nợ gốc và lãi ông **Q** và bà **B** phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông **M** là 197.916.500 đồng (Một trăm chín mươi bảy triệu chín trăm mười sáu nghìn năm trăm đồng).

[4] Đối với yêu cầu tính lãi suất từ ngày 23/9/2022 đến ngày 17/12/2023 với mức lãi suất 0.83%/tháng với số tiền lãi là 23.651.183 đồng. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có yêu cầu xin rút lại yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi này. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử ghi nhận, đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện tính lãi của nguyên đơn từ ngày 23/9/2022 đến ngày 17/12/2023 với mức lãi suất 0.83%/tháng với số tiền lãi là 23.651.183 đồng.

[5] Về yêu cầu trả dần nợ của ông **Q**, bà **B**: Ông **Q** và bà **B** xin được trả dần số tiền nợ cho ông **M** với cách thức cách thức mỗi năm trả 15.000.000 đồng cho đến khi hết nợ, yêu cầu xin trả dần này của ông **Q** và bà **B** không được nguyên đơn đồng ý. Do ông **Q** và bà **B** đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ông **M** trong một thời gian dài đã làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông **M**, nên yêu cầu xin được trả dần số nợ của ông **Q** và bà **B** không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Các đương sự không có yêu cầu nào khác nên không xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Do yêu cầu khởi kiện của ông **M** được chấp nhận, nên ông **Q** và bà **B** phải có nghĩa vụ liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch với số tiền $197.916.500 \text{ đồng} \times 5\% = 9.895.825 \text{ đồng}$.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, 92, 147, 217, 235 và Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 430, Điều 440, khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông **Đoàn Văn M**. Buộc ông **Hồ Văn Q** và bà **Nguyễn Thị B** có nghĩa vụ liên đới trả cho ông **Đoàn Văn M** số tiền 197.916.500 đồng (Một trăm chín mươi bảy triệu chín trăm mười sáu nghìn năm trăm đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành

án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông **Đoàn Văn M** về việc yêu cầu ông **Hồ Văn Q** và bà **Nguyễn Thị B** có nghĩa vụ liên đới trả cho ông **M** số tiền lãi tính từ ngày 23/9/2022 đến ngày 17/12/2023 với mức lãi suất 0.83%/tháng với số tiền lãi là 23.651.183 đồng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông **Hồ Văn Q** và bà **Nguyễn Thị B** có nghĩa vụ liên đới chịu án phí với số tiền 9.895.825 đồng (Chín triệu tám trăm chín mươi lăm nghìn tám trăm hai mươi lăm đồng).

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Thạnh Phú;
- Chi cục THA DS huyện Thạnh Phú;
- Các đương sự;
- Lưu (hồ sơ, Vp).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Nguyễn Thị Thủy Tiên